

BIẾN ĐỔI TRI THỨC ĐỊA PHƯƠNG TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CỦA NGƯỜI MẠ TẠI TỈNH LÂM ĐỒNG

NGUYỄN THỊ LẠNG

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

Nhận bài ngày 10/6/2026. Sửa chữa xong 12/7/2026. Duyệt đăng 14/7/2026.

Abstract

This article examines the adaptation and transformation of local knowledge in the agricultural production of the Ma people in Lam Dong Province. The findings indicate that many forms of traditional knowledge continue to be maintained while being adjusted in response to the market economy and natural resource management policies. These changes reflect the community's efforts to preserve culturally rooted practices while responding to new economic, social, and environmental conditions. Based on the findings, the article proposes several measures to preserve, promote, and effectively integrate local knowledge into sustainable agricultural development in Lam Dong Province.

Keywords: Local knowledge, Ma people, agricultural production, adaptation, transformation, Lam Dong Province.

1. Đặt vấn đề

Khái niệm tri thức địa phương (TTĐP) thực chất là tập hợp những kinh nghiệm thực tế. Hệ thống này được người dân đúc kết, rồi truyền lại qua nhiều đời nhằm mục đích sinh tồn, thích ứng trước các biến đổi từ xã hội và tự nhiên. Đặt vào bối cảnh các tộc người thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên, nguồn lực nội sinh này có ý nghĩa sống còn đối với bài toán tổ chức đời sống, canh tác hay bảo tồn văn hóa cốt lõi. Hãy lấy trường hợp người Mạ ở Nam Tây Nguyên làm ví dụ (Viện Dân tộc học, 1984). Chính những năm tháng sinh tồn gắn chặt vào rừng, vào nương rẫy đã hình thành cho cộng đồng này một hệ thống tri thức kinh nghiệm thực tiễn sâu sắc. Hệ thống tri thức đó bao gồm: kỹ thuật dùng đất, cách chọn giống cho tới mẹo nhìn trời đoán thời tiết để vận hành sản xuất nông nghiệp.

Thống kê năm 2024 cho thấy Lâm Đồng là nơi cư trú chính của 9.668 người Mạ. Họ sống rải rác, chủ yếu thuộc địa phận các huyện Đạ Tẻh, Đạ Huoai, Cát Tiên và Bảo Lâm. Ngược lại, nhóm người Mạ ở Đắk Nông ít hơn, chỉ có 1.395 người (Bộ Dân tộc và Tôn giáo, 2025), phần lớn sống tại xã Đắk Som và Quảng Khê. Họ sinh sống chủ yếu ở khu vực nông thôn. Điểm đáng lưu ý là sau đợt điều chỉnh, sáp nhập địa giới năm 2025, toàn bộ vùng cư trú này đã thuộc về bản đồ tỉnh Lâm Đồng mới.

Làn sóng thị trường hóa và công nghiệp hóa gần đây đang làm thay đổi sinh kế của bà con. Đồng thời, các quy định bảo vệ rừng, giao đất lâm nghiệp hay chính sách định canh định cư cũng khiến hoạt động sản xuất phải thay đổi theo. Nhiều hộ gia đình Mạ quyết định bỏ lối canh tác tự cung tự cấp. Họ tập trung làm nông nghiệp hàng hóa. Đất trồng cây công nghiệp như chè, điều, cà phê theo đó tăng mạnh về diện tích. Hệ quả là việc lưu giữ, vận dụng TTĐP nông nghiệp bị tác động trực tiếp. Dẫn đến hai xu hướng: một vài tri thức thích ứng để tồn tại, số còn lại rơi vào cảnh mai một.

Hệ thống TTĐP trong canh tác nông nghiệp của người Mạ (tại hai xã Quảng Khê và Bảo Lâm 5, tỉnh Lâm Đồng) là trọng tâm phân tích của bài viết. Việc thu thập tài liệu học thuật được kết hợp chặt chẽ với quá trình quan sát, diễn dã tại thực địa. Chúng tôi thực hiện phỏng vấn sâu người dân, các vị già làng cho tới đội ngũ cán bộ cơ sở. Nhằm phân tích các yếu tố tác động đến sự thích ứng, biến đổi của TTĐP. Đồng thời, nghiên cứu cũng hướng vào khái quát những biểu hiện biến động của kho tàng kinh nghiệm này, nhất là trong bối cảnh bà con đang phải chuyển đổi sinh kế và đối mặt với làn sóng phát triển kinh tế - xã hội hiện nay.

Email: lang077knh07@gmail.com

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Hệ thống tri thức địa phương trong sản xuất nông nghiệp truyền thống của người Mạ ở tỉnh Lâm Đồng

Quá trình định cư lâu đời tại vùng Nam Tây Nguyên đã tạo nên hệ thống TTĐP của người Mạ. Đời sống sản xuất truyền thống của họ bị chi phối bởi phương châm "*làm rẫy, ăn rừng và uống nước trời*" (Nguyễn Đăng Hiệp Phổ, Trương Quang Đạt, 2016). Qua lịch sử hình thành và phát triển, hệ thống tri thức bao gồm kinh nghiệm nhận biết tài nguyên tự nhiên, tổ chức sản xuất và thực hành tín ngưỡng nông nghiệp. Sự gắn kết chặt chẽ giữa các yếu tố này đã đặt nền móng cho sinh kế truyền thống cho cả tộc người.

2.1.1. Tri thức về thổ nhưỡng

Người Mạ nhận diện, phân loại đất dựa vào màu sắc và độ ẩm. Khả năng sinh trưởng, năng suất của cây trồng cũng được họ dùng làm thước đo. Theo kinh nghiệm truyền thống, đất đai bị chia làm ba nhóm (Ngô Văn Lệ, 2017). Đó là đất đen (*tiah ột*), đất đỏ (*tiah dơ*) và đất trắng (*tiah diêng*). Đất đen được đánh giá cao nhất về độ phì. Nhóm này hợp với nhiều loại cây lương thực. Đất đỏ xếp mức trung bình. Người dân dùng loại đất này phổ biến trong sản xuất. Riêng đất trắng bị coi là nghèo dinh dưỡng. Khả năng giữ nước của nó rất thấp. Cư dân ít khi chọn đất trắng để canh tác dài hạn.

Bên cạnh việc nhìn bằng mắt, mẹo "ném đất" cũng được áp dụng để chấm điểm chất lượng. Vị và kết cấu đất được cảm nhận trực tiếp qua hình thức kiểm nghiệm này. Cách làm trên mang đậm tính dân gian. Dù vậy, nó lại phản ánh khả năng truyền thừa tri thức qua nhiều đời.

Việc chọn đất canh tác phản ánh hiểu biết sâu sắc về môi trường. Các khu rừng thứ sinh thường được người Mạ ưu tiên. Vùng đất gần nguồn nước cũng là lựa chọn hàng đầu của họ. Độ ẩm và độ màu mỡ ở đây cao hơn hẳn. Cách làm này giúp bà con vừa tận dụng được tài nguyên, vừa bảo đảm năng suất cây trồng.

2.1.2. Tri thức về nông lịch và dự báo thời tiết

Thiên nhiên chi phối rất mạnh đến hoạt động sản xuất truyền thống của người Mạ. Để sản xuất, hệ thống dự báo thời tiết dân gian đã được bà con tự đúc kết. Hệ thống này dựa hẳn vào các dấu hiệu sinh học hay hiện tượng tự nhiên. Theo phỏng vấn sâu các cụ già tại Quảng Khê, việc: "Nghe tiếng ve kêu, rồi nhìn cách chim bay, kiến hay mối bò để đoán lịch chuyển mùa". Bên cạnh đó, sự biến đổi của dòng nước cũng là một kênh thông tin, cụ thể: "Mây đen kéo đến, tiếng sấm hay thời tiết thất thường trên các đỉnh núi" giúp họ nhận biết mùa mưa. Nhờ nắm chắc các mẹo này, tính chủ động của cộng đồng được nâng cao. Họ biết rõ lúc nào cần phát rẫy, đốt rẫy hay xuống giống gieo trồng.

Chu kỳ thời tiết hằng năm chính là nền tảng để tạo nên hệ thống nông lịch truyền thống. Từng công đoạn từ phát rẫy, đốt rẫy cho đến gieo hạt, gặt hái đều bị ràng buộc chặt chẽ vào diễn biến của hai mùa mưa - khô. Cách bố trí này giúp người dân tránh được nhiều rủi ro. Việc tận dụng nguồn nước tự nhiên nhờ đó cũng đạt hiệu quả cao hơn.

2.1.3. Kỹ thuật canh tác lúa rẫy

Canh tác lúa rẫy chính là cái cốt lõi trong sản xuất truyền thống của người Mạ. Đất dốc được họ tận dụng để thực hiện chuỗi kỹ thuật: phát, đốt rồi gieo trỉa. Khi đốt rẫy, hàng loạt quy tắc nghiêm ngặt bị bắt buộc tuân thủ. Mục đích là để tránh việc cháy lan, đồng thời lấy tro làm phân bón tự nhiên. Đến khâu gieo trỉa, việc phân công lao động theo giới được phân công rất rõ: đàn ông lo chọc lỗ, phụ nữ đảm nhận việc tra hạt (Ngô Văn Lệ, 2017). Theo PVS người dân xã Bảo Lâm 5: "*Đàn ông khỏe hơn đi trước, cầm cây gậy nhọn chọc lỗ sâu xuống đất rẫy. Phụ nữ chúng tôi đeo gùi đi sau, cứ thế bỏ hạt lúa vào rồi lấp đất lại, nhíp nhàng lằm*" (PVS, Nữ, nông dân, 52 tuổi, 2026). Cách làm này giúp đẩy nhanh tiến độ. Sức lao động trong nhà nhờ đó cũng được tận dụng tối đa.

Nhắc đến nông nghiệp người Mạ thì không thể bỏ qua đặc điểm đa canh, xen canh. Nhiều loại cây khác nhau được gieo trồng chung trên cùng một mảnh đất. Những giống cây này gồm lúa, bắp, bầu bí, rồi đến khoai hay cây gia vị. Nói về mẹo chọn cây xen canh, PVS già làng tại xã Quảng Khê: "*Không bao giờ người Mạ chỉ trồng mỗi cây lúa trên rẫy. Phải trồng thêm cây bắp, cây bầu, cây bí xen vào. Lỡ năm*

đó lúa mất mùa vì thiếu nước thì vẫn còn cái bắp, cái củ khoai để ăn qua ngày” (PVS, Nam, 70 tuổi, 2026). Như vậy, mô hình này giúp đa dạng hóa nguồn ăn. Rủi ro mất mùa nhờ vậy giảm hẳn mà đất đai cũng giữ được độ phì nhiêu lâu hơn.

2.1.4. Tín ngưỡng nông nghiệp

Đời sống tâm linh có mối liên kết chặt chẽ với tri thức sản xuất của người Mạ. Họ quan niệm rằng: muốn cây trồng lớn tốt, con người phải giữ được thể cân bằng với tự nhiên lẫn thần linh. Do vậy, nghi thức cúng thần lúa luôn được thực hiện vào hai dịp là lúc xuống giống và sau khi thu hoạch. Các nghi lễ này không đơn thuần mang tính tín ngưỡng mà là cơ hội gắn kết cộng đồng. Dịp này, người già truyền lại các tri thức, cách làm ăn cho đám trẻ. Lòng biết ơn đối với thần linh sẽ được cộng đồng gửi gắm qua các nghi lễ này. Sự gắn kết, tính sẻ chia giữa các thành viên trong bon làng nhờ đó cũng được thắt chặt hơn. Một già làng chia sẻ: “Làm lễ mừng lúa mới là để tạ ơn thần linh đã cho cái hạt lúa đầy bồ, cái bụng không bị đói. Cả bon làng cùng ăn, cùng uống rượu cần, có gì hay trong mùa vụ vừa rồi thì chỉ bảo cho nhau” (PVS, Già làng, 73 tuổi, 2026). Như vậy, tín ngưỡng nông nghiệp không hề tách rời thực tế, nó chính là một mảnh ghép, tạo nên hệ thống TTĐP của người Mạ.

2.2. Các yếu tố tác động đến sự thích ứng, biến đổi tri thức địa phương trong canh tác nông nghiệp của người Mạ tại tỉnh Lâm Đồng

Sự biến đổi của môi trường tự nhiên và xã hội luôn thúc đẩy và tác động đến TTĐP của người Mạ phải vận động theo. Hệ thống tri thức này liên tục bị buộc phải tự điều chỉnh. Qua kết quả khảo sát thực tế, chúng tôi nhận thấy các chính sách phát triển đóng vai trò tác động chủ yếu. Công tác quản lý tài nguyên rừng cũng can thiệp mạnh đến quá trình này. Bên cạnh đó, làn sóng kinh tế thị trường cùng những cú sốc từ biến đổi khí hậu đang trực tiếp ảnh hưởng tới hệ thống kinh nghiệm của bà con.

2.2.1. Tác động của chính sách nhà nước

Hàng loạt chính sách phát triển vùng đồng bào đã tác động, làm thay đổi hẳn môi trường thực hành tri thức của người Mạ. Nhờ chương trình định canh định cư, bà con được nhà nước bố trí sống tập trung tại các khu dân cư mới (Nguyễn Đăng Hiệp Phổ, Trương Quang Đạt, 2016). Hệ quả rõ nhất là lối canh tác luân khoảnh ngày xưa bị thu hẹp diện tích đáng kể. Vì thế, các kinh nghiệm về luân chuyển rẫy hay phục hồi đất cũng không còn được thực hiện. Về điểm này, một nông dân lớn tuổi ở xã Bảo Lâm 5 chia sẻ: “Hồi xưa cứ làm vài mùa lại bỏ hoang rẫy cũ cho đất nghỉ, đi tìm vật đổi khác phát hoang. Giờ định canh định cư rồi, đất nhà ai người nấy làm, lấy đâu ra chỗ mà luân chuyển rẫy như trước nữa” (PVS, Nam nông dân, 61 tuổi, 2024).

Hình thức sở hữu đất theo hộ gia đình đã thay thế hoàn toàn cho cơ chế quản lý cộng đồng cũ. Luật tục cùng với vai trò quản lý của già làng cũng vì thế mà suy giảm. Làn sóng khuyến nông lại giúp người dân tiếp cận nhanh với cơ giới hóa, phân bón hóa học và giống cây mới. Tri thức khoa học kỹ thuật hiện đại đang dần chiếm ưu thế. Trong khi đó, các mẹo canh tác truyền thống đành chấp nhận mất đi vị trí trung tâm vốn có. Cán bộ địa phương nhận định: “Bây giờ bà con chuộng phân hóa học với giống ngắn ngày của công ty lắm. Cứ ra đại lý mua về làm theo hướng dẫn thôi, ít ai còn đi nhìn trời nhìn đất để gieo hạt giống cổ truyền nữa” (PVS, Cán bộ khuyến nông, 29 tuổi, 2024).

2.2.2. Tác động của công tác quản lý rừng

Việc siết chặt bảo vệ và đóng cửa rừng tự nhiên đã bóp nghẹt không gian sản xuất truyền thống của người Mạ. Đất rừng tự nhiên không còn là nơi bà con có thể tự do canh tác như trước. Hệ quả là hàng loạt tri thức về cách chọn đất rừng, tìm chỗ làm rẫy hay mẹo khai thác lâm sản ít khi được thực hành. Tình thế này ép hệ thống TTĐP phải tự bẻ lái. Người dân bắt buộc phải thay đổi để vừa lòng các quy định quản lý và hợp với lối sản xuất thời nay.

Nguồn tài nguyên từ rừng cũng bị thu hẹp đáng kể. Nhà nước kiểm soát rất chặt chuyện săn bắt thú hay hái lượm sản vật. Việc này dẫn đến một hệ lụy buồn: nhiều hiểu biết sâu sắc về các loài động thực vật địa phương đang rơi vào quên lãng. Lý do đơn giản là vì chúng không còn được dùng trong đời sống hằng ngày của bà con nữa. Về sự mai một này, già làng chia sẻ: “Hồi trước người Mạ nhìn lá cây là biết cây nào làm thuốc, cây nào có độc, con thú nào hay đi lối nào. Giờ tụi trẻ không được vào rừng nữa,

có biết cây thuốc quý trồng thế nào đâu mà hái, mấy bài thuốc cổ truyền coi như mất dần" (PVS, Già làng, 69 tuổi, 2026).

2.2.3. Tác động của kinh tế thị trường

Làn sóng kinh tế thị trường đang đẩy nhanh tiến trình thay máu cơ cấu sản xuất tại các vùng có người Mạ cư trú. Để chạy theo nhu cầu thị trường, diện tích trồng cây công nghiệp như chè, điều, cà phê được bà con mở rộng ồ ạt. Mô hình tự cung tự cấp ngày xưa nay bị lỗi sản xuất hàng hóa triệt tiêu, thay thế hoàn toàn.

Cuộc chuyển dịch này đã tước mất chỗ đứng của nhiều giống cây trồng cổ truyền. PVS người dân tại Bảo Lâm 5: *"Hồi trước rẫy nhà nào cũng trồng giống lúa địa phương, cả năm mới gặt một lần, năng suất lại thấp. Giờ người ta phá hết lúa rẫy để trồng cà phê, trồng chè bán lấy tiền ra chợ mua gạo, chẳng còn mấy ai giữ giống lúa cũ làm gì"* (PVS, Nam nông dân, 45 tuổi, 2026). Chính vì năng suất thấp, giá trị thương mại lại kém nên một số giống lúa địa phương hầu như không còn được gieo trồng. Cùng với đó, hình thức đổi công vẫn vụn vặt giữa các nhà bị xóa bỏ, nhường chỗ cho kiểu thuê mướn nhân công bằng tiền mặt. Hệ quả tất yếu là không gian để các thể hệ ngồi lại, trao truyền kinh nghiệm sản xuất cho nhau đã bị thu hẹp đáng kể.

2.2.4. Tác động của biến đổi khí hậu và môi trường

Tri thức dự báo thời tiết cổ truyền đang bị lung lay dữ dội trước những biến động thời tiết bất thường. Các dấu hiệu tự nhiên từng được người Mạ tin tưởng để chọn mùa vụ giờ đây không còn chính xác nữa. Các hiện tượng mưa trái mùa cùng thiên tai cực đoan không còn hiếm trong bối cảnh biến đổi khí hậu hiện nay.

Song song đó, diện tích rừng bị thu hẹp kéo theo sự suy giảm đa dạng sinh học đã làm biến mất nhiều tri thức địa phương. Hàng loạt loài cây chỉ thị hay các cây thuốc quý địa phương dần biến mất, không còn phổ biến như xưa. PVS già làng chia sẻ *"Hồi trước cứ nhìn hoa rừng nở, nhìn hướng gió là biết khi nào mưa để tra hạt. Giờ thời tiết khác lắm, rừng không còn nhiều nên chẳng còn chim muông, cây cỏ gì để mà nhìn nữa. Cứ nghe theo đài, theo tivi báo thôi"* (PVS, Già làng, 71 tuổi, 2026). Trước những cú sốc này, lối canh tác cũ bắt buộc phải thay đổi. Người dân buộc phải chủ động kết hợp kinh nghiệm dân gian với thông tin thời tiết từ tivi, đài phát thanh hay hướng dẫn kỹ thuật của cán bộ khuyến nông để tự cứu lấy ruộng rẫy của mình.

2.3. Những thích ứng và biến đổi của tri thức địa phương trong sản xuất nông nghiệp của người Mạ tại tỉnh Lâm Đồng

2.3.1. Biến đổi về cơ cấu cây trồng và giống cây trồng

Quá trình chuyển dịch từ nông nghiệp tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa là một bước ngoặt dễ nhận thấy nhất. Trước kia, vị trí trung tâm trong cơ cấu cây trồng bị chiếm giữ bởi cây lúa rẫy. Trên cùng một mảnh đất, người Mạ có thói quen xen canh lúa với các loại rau mau. Cách làm này giúp bà con tự bảo đảm nguồn lương thực cho gia đình.

Khảo sát thực tế hiện nay chứng minh điều ngược lại: đất trồng lúa rẫy đang bị thu hẹp đáng kể. Thay vì làm rẫy, nhiều hộ gia đình đã chủ động bẻ lái sang chuyên canh các loại cây công nghiệp. Diện tích chè, điều, cà phê, cao su hay hồ tiêu nhờ đó liên tục mở rộng. Một nông dân tại xã Bảo Lâm 5 chia sẻ về sự thay đổi này: *"Hồi xưa chỉ lo trồng lúa, trồng bắp ăn cho no cái bụng thôi. Giờ có kinh tế thị trường rồi, dân làng phá bớt lúa rẫy để chuyển sang làm cà phê, giá cà phê cũng tốt, cuộc sống cũng đỡ khổ hơn"* (PVS, Nam nông dân, 41 tuổi, 2026). Như vậy, việc thích ứng với nhu cầu thị trường và đích đến nâng cao thu nhập đã thúc đẩy cuộc chuyển dịch này. Nhiều giống cây trồng mới được người dân đưa vào sản xuất để thay cho giống cũ địa phương. Bên cạnh mảng cây công nghiệp, người Mạ cũng đón nhận rộng rãi kỹ thuật canh tác lúa nước. An ninh lương thực của bà con được bảo đảm tốt hơn nhờ sự xuất hiện của các giống lúa ngắn ngày. Năng suất cây trồng nhờ vậy tăng lên rõ rệt nhưng không gian tồn tại của nguồn gen truyền thống bị thu hẹp đáng kể.

2.3.2. Biến đổi về công cụ và kỹ thuật sản xuất

Làn sóng hiện đại hóa nông nghiệp đã thay đổi phương thức canh tác cũ của người Mạ. Những nông cụ thủ công truyền thống chỉ còn xuất hiện rải rác ở vài quy mô nhỏ. Thay vào đó, máy cày, máy xới rồi máy cắt cỏ hay máy phun thuốc được người dân đưa vào sử dụng phổ biến trên đồng ruộng.

Sức lao động được giải phóng đáng kể nhờ cuộc cách mạng máy móc này, kéo theo năng suất lao động tăng vọt. Kèm theo đó, một bước chuyển dịch lớn về tư duy sản xuất cũng diễn ra: chuyển từ kinh nghiệm truyền thống sang tiếp cận khoa học kỹ thuật. Cán bộ nông nghiệp địa phương chia sẻ: *“Bà con bây giờ nhanh nhạy lắm. Hồi trước đi chọn đất làm rẫy cứ phải nhìn màu đất. Giờ họ ra đại lý hỏi mua phân bón, rồi nhờ cán bộ hướng dẫn quy trình cải tạo đất, dùng máy móc đo đạc cho nhanh”* (PVS, Cán bộ khuyến nông, 31 tuổi, 2026). Như vậy, quy trình kỹ thuật, các loại phân bón và biện pháp cải tạo đất hiện đại mới là thứ được người dân quan tâm nhiều hơn lúc này.

Cùng với đó, phân bón hóa học cùng thuốc bảo vệ thực vật ngày càng bám rễ sâu vào thói quen canh tác của bà con. Việc tiếp nhận các tiến bộ kỹ thuật mới này đem lại hiệu quả kinh tế thấy rõ. Dù vậy, nó cũng trực tiếp làm lu mờ vai trò của một số kinh nghiệm canh tác cổ truyền vốn có.

2.3.3. Biến đổi trong tổ chức lao động

Kinh tế thị trường đã thay đổi cách tổ chức lao động nông nghiệp truyền thống. Trước kia, mô hình vẫn công, đổi công giữa các nhà luôn giữ thế chủ đạo. Đây không đơn thuần là giải pháp bài toán thiếu người lúc ngày mùa. Đúng hơn, lối sống này chính là không gian để các thế hệ truyền nghề và thắt chặt tình làng nghĩa xóm. Hiện tại, kiểu thuê mướn nhân công bằng tiền mặt ngày càng phổ biến. Vai trò tổ chức sản xuất của các thiết chế cộng đồng cũ theo đó cũng giảm đi trông thấy.

Một cuộc dịch chuyển tương tự cũng diễn ra trong cơ chế quản lý sản xuất. Quyền định hướng hoạt động nông nghiệp vốn thuộc về già làng hay những người có uy tín ngày xưa, nay dần mờ nhạt. Quyền quyết định tối cao hiện tại thuộc về hộ gia đình. Trưởng bon Srê Ú chia sẻ: *“Bây giờ đất nhà nào nhà nấy tự lo, già làng không còn quyền can thiệp vào chuyện trồng cây gì, nuôi con gì nữa đâu. Người dân chủ động hỏi đại lý hoặc bên khuyến nông”* (PVS, Trưởng bon, 35 tuổi, 2026). Đội ngũ cán bộ khuyến nông đã hoàn toàn thay thế các bậc bề trên. Họ trở thành chủ thể chính trong việc cung cấp thông tin và áp đặt các quy trình kỹ thuật sản xuất hiện đại cho người dân.

2.3.4. Biến đổi về nông lịch và tín ngưỡng nông nghiệp

Trong truyền thống, các tín hiệu từ thiên nhiên như tiếng ve kêu, thời tiết thất thường hay độ lớn nhỏ của cây cỏ luôn làm gốc cho lịch canh tác. Giờ đây, tư duy số hóa lên ngôi khi bà con chăm dùng các bản tin khí tượng và khuyến cáo khuyến nông hơn. Việc lên kế hoạch sản xuất nông nghiệp phụ thuộc rất lớn vào các nguồn tin kỹ thuật này.

Lĩnh vực tâm linh nông nghiệp cũng chịu một số biến động tương tự. Thế độc tôn của lúa rẫy mất đi kéo theo sự sụt giảm của hàng loạt nghi lễ truyền thống. Nhiều bài cúng không còn được bà con thực hiện đầy đủ như xưa. Có nghi thức bị cắt gọt bớt quy mô. Có lễ hội lại chỉ được thấy qua các buổi phục dựng văn hóa để phục vụ du lịch. Theo PVS: *“Bây giờ trong bon chẳng mấy ai làm lễ cúng thần lúa đủ các bước như thời ông bà đâu. Lúa rẫy không còn trồng nhiều thì thần lúa cũng ít được cúng tế hơn. Chỉ khi nào có cán bộ dưới tỉnh về bảo làm ngày hội văn hóa thì bon làng mới tổ chức nhảy múa, diễn lại cho thế hệ sau xem thôi”* (PVS, Nam nông dân, 50 tuổi, 2026). Những biến đổi trong phương thức sinh kế đã tạo ra sự thay đổi trong đời sống tâm linh, thể hiện qua xu hướng đơn giản hóa các thực hành nghi lễ.

Bên cạnh đó, đời sống tinh thần của bà con tiếp tục bị xáo trộn bởi sự du nhập của các tôn giáo mới. Kiểu hiến sinh hiến tế nay bị xóa bỏ. Thay vào đó là các hình thức sinh hoạt tôn giáo, đức tin mới. Trong sự chuyển dịch ấy, tiếng cồng chiêng, hội hè hay các tục lệ chung của bon làng vẫn được lưu giữ. Dù vậy, ý nghĩa tâm linh nguyên bản bên trong đã thay đổi từ lâu. Chức năng tín ngưỡng cũ bị mờ đi. Thay vào đó, chúng đóng vai trò như một biểu tượng văn hóa để đồng bào khẳng định bản sắc tộc người trước các cộng đồng khác.

Xem tiếp trang 142